

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST
Ngày: 06 - 8 - 2020
“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang;
2. Ông Lý Vĩnh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc NT, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 269, đường NVT, tổ 2, khóm K, phường N, thành phố H, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Ngọc NH, sinh năm 1972 và ông Dương Văn R, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: Số 100, đường Vòng S, tổ 5, khóm V, phường S, thành phố H, tỉnh An Giang.

Bà NT, bà NH có mặt tại phiên tòa; ông R vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc NT trình bày: Ngày 14/4/2019 bà NH, ông R vay của bà số tiền 250.000.000, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay mua xe máy cày kinh doanh, để đảm bảo khoản vay ông R, bà NH có thể chấp cho bà quyền sử dụng đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS5257 do Sở tài nguyên Môi trường cấp ngày 26/6/2017 mang tên Ngô Ngọc NH, Dương Văn R.

Sau khi nhận tiền vay, bà NH và ông R không đóng lãi và trả vốn theo thỏa thuận, do đó bà NT yêu cầu Tòa án buộc bà NH và ông R có nghĩa vụ trả cho bà NT số tiền vay 250.000.000 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày khởi kiện là 60.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà NT yêu cầu bà NH, ông R trả là 310.000.000 đồng.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Ngọc NH trình bày: Bà thừa nhận vào ngày 17/4/2019 vợ chồng bà có vay của bà NT 250.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để mua xe máy cày để kinh doanh, hợp đồng vay được công chứng chứng thực, khi vay vợ chồng bà có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CS5257 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 26/6/2017 mang tên vợ chồng.

Về nguồn gốc số tiền vay, trước đây bà chỉ vay 150.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà không trả lãi, sau đó các bên thỏa thuận cộng vốn và lãi thành số tiền 250.000.000 đồng, vợ chồng bà cũng đồng ý. Nay vợ chồng đồng ý trả cho bà NT 250.000.000 đồng, xin thời gian lo tiền thanh toán nợ, đề nghị bà NT không tính lãi. Hiện tại chồng bà (ông R) đang bị tai biến nên không tham gia tố tụng được nên vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, ông R vắng mặt, bà NT, bà NH thống nhất kể từ ngày ký hợp đồng vay thế chấp tài sản ngày 17/4/2019 bà NH có trả lãi được 4.500.000 đồng thì ngưng cho đến nay, bà NH đồng ý vợ chồng bà trả khoản nợ 250.000.000 đồng cho bà NT, xin không tính lãi và cho thời gian để lo tiền thanh toán nợ; bà NT rút lại yêu cầu tạm tính lãi 60.000.000 đồng mà yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, nên hòa giải không thành.

* Tại phiên tòa,

- Ý kiến của phía nguyên đơn: Bà NT giữ nguyên yêu cầu bà NH, ông R trả số nợ vốn 250.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả thêm khoản tiền lãi 20.000.000 đồng tính đến ngày xét xử, không đồng ý cho bà NH, ông R kéo dài thời gian trả nợ; sau khi bà NH, ông R thực hiện nghĩa vụ trả dứt nợ thì bà sẽ giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS5257 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 26/6/2017 cho bà NH và ông R, ngoài ra không có yêu cầu nào khác; xác định việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa hai bên không đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo luật định và không có sự việc tiền lãi 100.000.000 đồng nhập vào vốn.

- Ý kiến của bị đơn: Bà NH thừa nhận ngày 17/4/2019 vợ chồng bà có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền cho bà NT được phòng công chứng chứng thực, hiện do vợ chồng đang quản lý; đồng ý vợ chồng sẽ trả khoản nợ vốn 250.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng cho bà NT, thống nhất để bà NT giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS5257 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 26/6/2017 mang tên vợ chồng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì sẽ nhận lại, yêu cầu bà NT cho thời gian thêm 01 năm để tạo điều kiện tìm nguồn tiền thanh

toán. Bà NH xác định không có chứng cứ chứng minh việc lãi 100.000.000 đồng nhập vào vốn 150.000.000 đồng rồi ký lại hợp đồng ngày 17/4/2019.

* Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn bà NH thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn ông R vắng mặt 02 lần không có lý do thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy: Vào ngày 17/4/2019 bà NT có cho vợ chồng ông R, bà NH vay 250.000.000 đồng với lãi suất 1%/tháng trả lãi hàng tháng, thời hạn vay 12 tháng đến ngày 17/4/2020 trả vốn, tài sản thế chấp là căn nhà và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CS5257 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 26/6/2017 mang tên vợ chồng được chứng thực tại Phòng công chứng Nguyễn Công Trứ. Sau đó, bà NH đã trả lãi cho bà NT được 4.500.000 đồng thì ngưng cho đến nay, mặc dù nhiều lần bà NT yêu cầu nhưng bà NH, ông R không thực hiện việc trả nợ. Bà NH thừa nhận còn nợ số tiền và thế chấp tài sản như bà NT trình bày. Tuy nhiên bà NH cho rằng trong khoản nợ có 100.000.000 đồng tiền lãi nhập vào vốn 150.000.000 đồng vay trước đây, đồng ý vợ chồng có trách nhiệm trả 250.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn bà NH đề nghị không tính lãi và cho thêm thời gian trả nợ. Việc thỏa thuận vay nợ giữa bà NT và ông R, bà NH được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, do bà NT, ông R vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà NT, ngoài ra bà NH không chứng minh được 100.000.000 đồng tiền lãi nhập vào vốn nên không có căn cứ. Do đó, bà NT khởi kiện yêu cầu ông R, bà NH trả số tiền còn nợ vốn là 250.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà NH xin kéo dài thời gian trả nợ không được bà NT đồng ý nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

Đối với việc thế chấp tài sản là căn nhà và quyền sử dụng đất của bà NH, ông R có chứng thực nhưng không đăng ký thế chấp chưa đảm bảo điều kiện theo luật định và bà NT không có yêu cầu khác, tại phiên tòa các bên thống nhất bà NT tiếp tục giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS5257 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 26/6/2017 cho đến khi bà NH, ông R thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ sẽ nhận lại nên công nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn. Bị đơn có nơi cư trú tại khóm V, phường S, thành phố H, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn đồng xác định việc vay tài sản được xác lập vào ngày 17/4/2019 với thời hạn 12 tháng. Đến ngày 24/4/2020, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Việc vắng mặt đương sự: Bị đơn ông R vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[4] Về vốn vay và tiền lãi:

- Về vốn vay: Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 250.000.000 đồng. Bị đơn bà NH thừa nhận vợ chồng có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và căn nhà vào ngày 17/4/2019 để vay tiền với nguyên đơn là 250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Xét, hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Tuy nhiên bị đơn bà NH cho rằng trong số nợ 250.000.000 đồng có 100.000.000 đồng là tiền lãi nhập vào vốn, nguyên đơn xác định có giao đưa thêm 100.000.000 đồng, hai bên đồng ý đến phòng công chứng chứng thực ký lại hợp đồng mới ngày 17/4/2019; quá trình tố tụng và tại phiên tòa ngoài lời khai bà NH cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh mà chấp nhận vợ chồng cùng trả cho bà NT vốn 250.000.000 đồng.

Quá trình vay cho đến khi hết hạn hợp đồng vào ngày 17/4/2020 bị đơn bà NH, ông R không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, bà NT khởi kiện yêu cầu bị đơn ông R, bà NH trả 250.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về lãi suất: tại phiên tòa, nguyên đơn bà NT chỉ yêu cầu bị đơn ông R, bà NH trả lãi thêm 20.000.000 đồng tính đến ngày xét xử là có lợi cho phía bị đơn, bà NH cũng đồng ý.

Buộc bị đơn ông R và bà NH cho nguyên đơn vốn 250.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng, tổng cộng 270.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về phương thức thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ vốn còn lại một lần, bị đơn bà NH xin kéo dài thời gian trả nợ thêm 12 tháng, không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, yêu cầu của bị đơn NH không có căn cứ để xem xét.

[6] Về việc thế chấp tài sản: Để đảm bảo số tiền vay 250.000.000 đồng ông R, bà NH có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất 139,9 m² đất ở tại đô thị, thửa số 136, tờ bản đồ số 51, trên đất có căn nhà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 05257 do Sở Tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 26/6/2017 cho bị đơn, đất tọa lạc số 100, tổ 5, khóm V, phường S, thành phố H. Theo đó nguyên đơn giữ bản chính giấy tờ về tài sản. Thấy rằng, việc thế chấp có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, tuy nhiên các bên không đăng ký thế chấp theo quy định và nguyên đơn không có yêu cầu nào khác nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn bà NH đồng ý để bà NT tiếp tục giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 05257 do Sở Tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 26/6/2017 của bị đơn và sẽ trả lại sau khi bà NH, ông R trả dứt nợ là phù hợp, nên công nhận.

[7] Về án phí:

- Bị đơn ông R, bà NH có trách nhiệm trả khoản nợ 270.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.500.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc NT

Buộc bà Ngô Ngọc NH và ông Dương Văn R có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc NT tiền vốn 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, tổng cộng 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Ngọc NT trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 05257 do Sở Tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 26/6/2017 cho bà Ngô Ngọc NH và ông Dương Văn R sau khi trả dứt nợ.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Ngọc NH và ông Dương Văn R phải chịu 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc NT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà NT số tiền 7.750.000 (bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2017/0003728 ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà NT và bà NH có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông R vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang (1);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy